

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN GELEX**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 145./2023/GELEX-CBTT

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX Mã chứng khoán: GEX
Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 39726245/6
Fax: 024 39726282
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Phương
Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245
Fax: 024 39726282
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (GELEX) trân trọng công bố:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/GELEX/BBH-ĐHĐCĐ;
- Điều lệ Công ty Cổ phần tập đoàn GELEX (sửa đổi, bổ sung kèm theo Nghị quyết số 02/2023/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/04/2023 tại đường dẫn: <https://gelex.vn/bao-cao/cbtt-sau-cuoc-hop-dhdcđ-thuong-nien-2023>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:**

- Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 ngày 26/04/2023;
- Điều lệ được sửa đổi, bổ sung.

Người đại diện theo pháp luật/

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Thị Phương



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX ("GELEX" hoặc "Công ty");

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ("Đại hội" hoặc "ĐHĐCD") số: 01/2023/GELEX/BB-DHĐCD ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội.

Điều 2. Phê chuẩn và thông qua toàn văn nội dung các Báo cáo sau:

1. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 và phương hướng, kế hoạch kinh doanh năm 2023;
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023;
3. Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.

Điều 3. Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (bao gồm Báo cáo Tài chính riêng năm 2022 và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán) và Báo

cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022	2.546.226.493.501	
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC riêng tại thời điểm 31/12/2022	403.298.841.793	4,74%
3	Thặng dư vốn cổ phần tại 31/12/2022	663.218.256.718	7,79%
4	Lợi nhuận sau thuế từ cổ tức năm 2022 chuyển về trong năm 2023	272.640.600.000	3,2%
5	NGUỒN PHÂN PHỐI CỔ TỨC TỐI ĐA (=2+3+4)	1.339.157.698.511	15,73%
6	NGUỒN PHÂN PHỐI CỔ TỨC TỐI ĐA BẰNG TIỀN (=2+4)	675.939.441.793	7,94%
7	Lợi nhuận đề nghị phân phối	3.500.000.000	
	<i>Trong đó:</i>		
	Chi trả cổ tức năm 2022	0	
	Quỹ thưởng HĐQT và Ban điều hành	0	
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.500.000.000	
8	Lợi nhuận để lại trên BCTC riêng sau phân phối (= 6 – 7)	672.439.441.793	

Điều 5. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023
1	Về sản xuất kinh doanh		

-	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	37.457
-	Lợi nhuận trước thuế TNDN hợp nhất	"	1.272
-	Chi trả cổ tức (*)	%/năm	15%
2	Thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT		
-	Thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT	Tỷ đồng	7.5
3	Quỹ thưởng HĐQT và Ban điều hành		
	Trong trường hợp Lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt so với kế hoạch (tối đa)	% phần lợi nhuận vượt kế hoạch	20%

(*) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT được quyết định mọi nội dung/vấn đề liên quan đến việc chi trả ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với hoạt động của Công ty. Việc tạm ứng có thể được thực hiện thành một lần hoặc nhiều lần tùy theo quyết định của HĐQT.

Điều 6. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023 và nội dung khác liên quan:

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách ba đơn vị kiểm toán dưới đây và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán này để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2023:

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam**
Địa chỉ: Tầng 15 tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Tên đơn vị: **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội**
Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Tên đơn vị: **Công ty TNHH KPMG – Văn phòng Hà Nội**
Địa chỉ: Tầng 46, tòa tháp Keangnam Landmark, số 72 lô E6, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ủy quyền cho HĐQT được chọn Công ty kiểm toán độc lập phục vụ kiểm toán các hoạt động khác của Công ty khi phát sinh theo yêu cầu công việc. Cụ thể: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách các Tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 7. Thông qua Giao dịch với các bên có liên quan năm 2023 như sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GELEX và các công ty thành viên theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

- Báo cáo Giao dịch mua bán vật tư, nguyên liệu với tổng giá trị phát sinh trong năm 2022 là: 2.355.900.739.101 đồng.

- Báo cáo Giao dịch cho công ty thành viên vay để đầu tư, sản xuất kinh doanh trong năm 2022 là: 2.612.000.000.000 đồng. Số dư cho vay tại thời điểm 31/12/2022 là: 1.134.375.000.000 đồng.

(Chi tiết được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022, Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2022)

2. Thông qua các nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch giữa GELEX và các công ty thành viên năm 2023 như sau:

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ký và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GELEX với người có liên quan năm 2023 theo quy định tại Điều lệ GELEX và Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 (ngoại trừ các hợp đồng bị cấm thực hiện theo quy định tại Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 và quy định pháp luật khác nếu có). Cụ thể các nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch như sau:

2.1. Người có liên quan ký hợp đồng, giao dịch với GELEX: bao gồm các công ty thành viên theo Danh sách chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm Nghị quyết này (sau đây gọi là "**Người Có Liên Quan**").

2.2. Đối tượng của hợp đồng, giao dịch: giao dịch cho vay; giao dịch bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp...).

Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm Nghị quyết này.

2.3. Giá trị, hạn mức của hợp đồng, giao dịch nêu trên:

(a) Hợp đồng, giao dịch GELEX cho vay đối với mỗi Người Có Liên Quan như nêu tại Phụ lục số 01 đính kèm Nghị quyết này: có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giá trị giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của GELEX ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất của GELEX nhưng tổng giá trị các hợp đồng, giao dịch này phát sinh cộng dồn từ ngày được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua đến trước ngày họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 không vượt quá 70% tổng giá trị tài sản của GELEX ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất.

(b) Hợp đồng, giao dịch bảo lãnh, thế chấp, cầm cố có giá trị giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ với mỗi Người Có Liên Quan như nêu tại Phụ lục số 01 đính kèm Nghị quyết này:

- GELEX bảo lãnh hoặc sử dụng tài sản của mình để thế chấp, cầm cố cho bên nhận bảo đảm liên quan nhằm bảo đảm cho việc thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Người Có Liên Quan đối với bên cấp vốn phát sinh từ các giao dịch huy động vốn của Người Có Liên Quan (huy động vốn tín dụng, phát hành trái phiếu, ...).

- Người Có Liên Quan sử dụng tài sản để thế chấp, cầm cố cho bên nhận bảo đảm liên quan nhằm bảo đảm cho việc thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của GELEX đối với bên cấp vốn phát sinh từ các giao dịch huy động vốn của GELEX (huy động vốn tín dụng, phát hành trái phiếu, ...).

2.4. Hiệu lực áp dụng: áp dụng cho các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong giai đoạn từ ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đến trước ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

2.5. ĐHĐCĐ giao cho Tổng Giám đốc quyết định các nội dung chi tiết của mỗi giao dịch, hợp đồng; ký kết và triển khai thực hiện hợp đồng, giao dịch nêu trên đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của GELEX. Tổng Giám đốc được giao/ủy quyền lại cho cấp dưới thực hiện một phần nhiệm vụ nêu tại mục này. Tổng Giám đốc báo cáo tổng giá trị giao dịch đã thực hiện trong năm 2023 cho HĐQT để HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Điều 8. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Hoa Cương và Ông Nguyễn Trọng Tiểu theo đơn xin từ nhiệm và thay đổi số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 từ 07 (bảy) thành viên thành 05 (năm) thành viên. Việc miễn nhiệm các thành viên HĐQT có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Như vậy, HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 bao gồm 05 thành viên sau:

1. Ông Nguyễn Văn Tuấn
2. Ông Nguyễn Trọng Hiền
3. Ông Đậu Minh Lâm
4. Ông Lương Thanh Tùng
5. Ông Lê Bá Thọ

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Phụ lục số 02 - Danh mục các sửa đổi, bổ sung chính trong Điều lệ của Công ty và toàn văn bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung được đính kèm Nghị quyết này;

2. Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua.

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Toàn thể cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận/cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- CBTT;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



PHỤ LỤC SỐ 01

DANH SÁCH HỢP ĐỒNG/GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Kèm theo Nghị quyết số 02/2023/GELEX/NQ-DHĐCD ngày 26 tháng 4 năm 2023)

STT	Người có liên quan ký hợp đồng/giao dịch với GELEX	Mối quan hệ liên quan tới GELEX	Đối tượng hợp đồng/giao dịch phát sinh với Người có liên quan
1	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (trước đây là "Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX")	Công ty con	Giao dịch GELEX cho vay; Giao dịch bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp...)
2	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty con	Giao dịch GELEX cho vay; Giao dịch bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp...)

C.B. * M. * Q.N.

PHỤ LỤC SỐ 02 - DANH MỤC CÁC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH TRONG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY

(Kèm theo Nghị quyết số 02/2023/GELEX/NQ-DHDCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023)

Diễn giải:

- *Nội dung gạch chân thể hiện các điểm sửa đổi, bổ sung của Điều lệ mới so với Điều lệ hiện hành.*

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
1.	Điểm e, Khoản 2 Điều 25 về quyền đề cử ứng viên HĐQT của cổ đông	e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được <u>đề cử tối đa số ứng viên bằng số lương thành viên Hội đồng quản trị cần bầu.</u>	e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được <u>đề cử tối đa năm (05) ứng viên hoặc được quyền đề cử tối đa số ứng viên bằng số lương thành viên Hội đồng quản trị cần bầu.</u>	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hơn theo tỷ lệ tương ứng
2.	Khoản 1 Điều 27 về thẩm quyền của HĐQT	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	1. <u>Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u>	Sửa đổi theo đúng diễn đạt của quy định tại Khoản 1 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020.
3.	Điểm w, Khoản 2 Điều 27 về thẩm quyền của HĐQT	w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	w. <u>Các nội dung/vấn đề khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ</u>	Bổ sung làm rõ thêm nội dung này để tạo cơ chế quản trị, quản lý phù hợp với nhu

			<p><u>đồng), kể cả là những vấn đề đã phân quyền cho Tổng Giám đốc quyết định theo quy định tại Điều lệ này. Nội dung này được thể hiện cụ thể trong các quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành theo nhu cầu quản trị từng thời kỳ.</u></p> <p>x. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	cầu từng thời kỳ.
4.	Điểm h Khoản 3 Điều 36 về nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	<p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;</p>	Xóa bỏ	Đề xuất bỏ nội dung này do Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019 không quy định bắt buộc. Các nội dung cụ thể này sẽ do Hội đồng quản trị quy định để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty từng thời kỳ.
5.	Khoản 5 Điều 36 về thẩm quyền miễn nhiệm Tổng	<p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số <u>thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành</u></p>	<p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số <u>thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp</u></p>	Bổ sung thêm để phù hợp với trường hợp lấy ý kiến Hội đồng

	Giám đốc của HĐQT	và bổ nhiệm <u>Tổng Giám đốc mới thay thế</u> . Trường hợp <u>Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị</u> , <u>Tổng Giám đốc sẽ không có quyền biểu quyết</u> theo quy định tại Khoản này.	<u>tán thành hoặc đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành nếu lấy ý kiến bằng văn bản và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế</u> . Trường hợp <u>Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị</u> , <u>Tổng Giám đốc sẽ không có quyền biểu quyết</u> theo quy định tại Khoản này.	quản trị bằng văn bản thông qua nội dung này.
6.	Điều 53 về Mọi quan hệ giữa Công ty và công ty con	Điều 53. Mọi quan hệ giữa Công ty và công ty con 1. Công ty và công ty con có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan, hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông/chủ sở hữu của mình; 2. Công ty sẽ hỗ trợ cho công ty con bằng cách xác định và đưa ra <u>định hướng phát triển</u> chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của công ty con. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa Công ty và công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật. 3. Công ty <u>giao quyền</u> cho <u>người đại diện</u>	Điều 53. Mọi quan hệ giữa Công ty và công ty con 1. Công ty và công ty con có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan, hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông/chủ sở hữu của mình; 2. Công ty sẽ hỗ trợ cho công ty con bằng cách xác định và đưa ra <u>định hướng, chiến lược phát triển</u> chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của công ty con. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa Công ty và công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật.	Sửa đổi, bổ sung, làm rõ thêm một số nội dung về mối quan hệ giữa Công ty (trong tư cách Công ty mẹ) với các Công ty con nhằm phục vụ cho việc quản trị xuyên suốt toàn hệ thống (như thông tin nêu tại Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội thường niên 2023)

	<p><u>vốn</u> theo ủy quyền của Công ty <u>trực tiếp thay mặt Công ty quản lý các khoản vốn góp của Công ty tại công ty con</u> trong phạm vi Điều lệ của công ty con và pháp luật cho phép.</p> <p>4. Quyền và nghĩa vụ của <u>người đại diện</u> theo ủy quyền của Công ty tại công ty con được xác định theo quy định của pháp luật và <u>các quy chế, quy định do Công ty ban hành</u> từng thời kỳ. <u>Người đại diện</u> theo ủy quyền của Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy chế, quy định vừa nêu này, Điều lệ công ty con và các quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Công ty sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với công ty con. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Công ty thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại công ty con.</p> <p>6. Công ty thực hiện quyền của <u>cổ đông</u> tại công ty con thông qua người đại diện của mình là thành viên trong <u>Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát/Ban Tổng Giám đốc</u> hoặc <u>thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> của công ty</p>	<p>3. Công ty <u>cử và giao quyền</u> cho (những) người đại diện vốn theo ủy quyền của Công ty <u>quản lý cổ phần/phần vốn góp của Công ty tại công ty con và quản lý việc sử dụng phần vốn của Công ty tại công ty con</u> theo quy định nội bộ của Công ty trong phạm vi Điều lệ của công ty con và pháp luật cho phép.</p> <p>4. Quyền và nghĩa vụ của (những) người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại công ty con được xác định theo quy định của pháp luật và các <u>quy chế, quy định do Hội đồng quản trị Công ty (hoặc cấp được phân quyền/ủy quyền) ban hành</u> từng thời kỳ. (Những) Người đại diện theo ủy quyền của Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy chế, quy định vừa nêu này, Điều lệ công ty con và các quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Công ty sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với công ty con. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Công ty thực hiện các vai trò quản lý, điều</p>	
--	---	--	--

	<p>con.</p> <p>7. <u>Công ty thực hiện việc cử đoàn kiểm tra, tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn góp của Công ty tại công ty con. Phạm vi kiểm tra bao gồm: kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của Công ty tại công ty con; kiểm tra việc thực hiện, triển khai các ý kiến chỉ đạo của Công ty đối với các vấn đề mà người đại diện vốn đã báo cáo/xin ý kiến; kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, nghĩa vụ khác của người đại diện theo Điều lệ Công ty, Điều lệ công ty con, các quy chế nội bộ của Công ty về quản lý người đại diện vốn; kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh nếu thấy cần thiết hoặc theo phê duyệt/thỏa thuận giữa Công ty với công ty con, trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty thực hiện quyền yêu cầu/đề nghị Ban kiểm soát tại công ty con kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty con với vai trò là cổ đông có cổ phần chi phối. Hoat động kiểm tra được tiến hành định kỳ sau khi có báo cáo kiểm toán hoặc tiến hành đột xuất, bất thường khi cần thiết. Người đại diện vốn có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi</u></p>	<p>hành tại công ty con.</p> <p>6. <u>Công ty thực hiện quyền hạn của mình tại công ty con thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng quản trị/ Ban Tổng Giám đốc hoặc thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông của công ty con (bằng hình thức cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản).</u></p> <p>7. <u>Công ty có quyền quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn của Công ty tại công ty con đồng thời có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) hỗ trợ công ty con trên một, một số hoặc các mặt hoạt động quản trị, quản lý của công ty con với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và/hoặc thúc đẩy tăng trưởng sản xuất, kinh doanh và đầu tư của công ty con.</u></p> <p>8. <u>Công ty có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) thực hiện việc cử đoàn kiểm tra, tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn góp của Công ty tại công ty con. Phạm vi kiểm tra bao gồm: kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của Công ty</u></p>	
--	--	--	--

		<p>nhất để Công ty tiến hành, thực hiện các hoạt động kiểm tra theo quy định tại Khoản này.</p> <p>8. Công ty và công ty con có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của Công ty và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.</p>	<p>tại công ty con; kiểm tra việc thực hiện, triển khai các ý kiến chỉ đạo của Công ty đối với các vấn đề mà người đại diện vốn đã báo cáo/xin ý kiến; kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, nghĩa vụ khác của người đại diện theo Điều lệ Công ty, Điều lệ công ty con, các quy chế nội bộ của Công ty về quản lý người đại diện vốn; kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh nếu thấy cần thiết hoặc theo phê duyệt/thỏa thuận giữa Công ty với công ty con, trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành. Ngoài ra, <u>Công ty thực hiện quyền yêu cầu/đề nghị Ủy ban kiểm toán/ban kiểm soát tại công ty con kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty con với vai trò là cổ đông có cổ phần chi phối. Hoạt động kiểm tra được tiến hành định kỳ hoặc tiến hành đột xuất, bất thường khi cần thiết.</u> Người đại diện vốn có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Công ty tiến hành, thực hiện các hoạt động kiểm tra theo quy định tại Khoản này.</p> <p>9. <u>Công ty được thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ cho các mặt hoạt động của</u></p>	
--	--	--	--	--

			<p><u>Công ty con nhằm hỗ trợ Công ty con kịp thời phát hiện, khắc phục, phòng ngừa các rủi ro có thể phát sinh. Các biện pháp thực thi có thể bao gồm: cử đoàn công tác độc lập hoặc phối kết hợp với Ủy ban kiểm toán/Ban kiểm soát/Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty con để tiến hành các cuộc kiểm toán; tổ chức các buổi đào tạo nhằm cải thiện chất lượng kiểm toán nội bộ tại Công ty con; các biện pháp khác phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế.</u></p> <p>10. Công ty và công ty con có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của Công ty và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.</p>	
7.	<p>Các nội dung sửa đổi khác về diễn đạt, câu chữ hoặc làm rõ thêm theo quy định pháp luật hiện hành: Được chỉnh sửa chi tiết như dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm trên cơ sở đảm bảo phù hợp quy định pháp luật hiện hành và nhu cầu quản trị của GELEX. <i>(Các nội dung sửa đổi, bổ sung thể hiện bằng nét chữ mực đỏ trên dự thảo Điều lệ)</i></p> <p>Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn, khác biệt nào giữa các nội dung quy định tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung và quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành thì các quy định tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung sẽ được ưu tiên áp dụng.</p>			



TẬP ĐOÀN GELEX

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GELEX

Số: 01/2023/GELEX/BB-DHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX



A- Tên doanh nghiệp, thời gian, địa điểm, thành phần Đại hội:

1. Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (“Công ty” hoặc “GELEX”)

Trụ sở chính: Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0100100512

2. Thời gian: 8 giờ 58 phút ngày 26 tháng 4 năm 2023

3. Địa điểm: Thăng Long Ballroom, tầng 7, Khách sạn Meliá Hà Nội – Số 44B Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

4. Thành phần tham dự:

- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Đại diện Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;
- Và tại thời điểm 08 giờ 58 phút ngày 26 tháng 4 năm 2023, có 287 cổ đông dự họp (trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền tham dự), đại diện cho 470.125.542 cổ phần, chiếm 55,2117% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX. (tại thời điểm ngày 26/4/2023, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là 851.495.793 cổ phần);
- Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Theo đó, tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tại thời điểm này là: 470.125.542 phiếu, chiếm 55,2117% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông Công ty.

B - Nội dung Đại hội:

I- Khai mạc, Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.

1. Ông Lê Trung Lâm thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
2. Ông Bùi Đăng Khoa - thay mặt Ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông và tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Đến 08 giờ 58 phút ngày 26 tháng 4 năm 2023, có 287 cổ đông (trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền tham dự), đại diện cho 470.125.542 phiếu biểu quyết, chiếm 55,2117% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Kết luận: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

Căn cứ Khoản 6 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020 thì Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Do đó, số lượng cổ đông tham dự Đại hội (trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền tham dự) tại mỗi thời điểm nếu có bổ sung thêm sẽ được ghi nhận lại khi biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội.

II-Giới thiệu Chủ tọa, Đoàn Thư ký, Ban Kiểm phiếu; Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu, Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội.

1. Ông Lê Trung Lâm thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu Chủ tọa Đại hội là ông Nguyễn Hoa Cương - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.
2. Ông Nguyễn Hoa Cương giới thiệu các thành viên cùng lên điều hành Đại hội gồm:
 - Ông Nguyễn Trọng Tiểu – Phó Chủ tịch HĐQT;
 - Ông Nguyễn Trọng Hiền – Phó Chủ tịch HĐQT;
 - Ông Lương Thanh Tùng – Phó Chủ tịch HĐQT;
 - Ông Nguyễn Văn Tuấn – Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT.
3. Ông Nguyễn Hoa Cương - Chủ tọa Đại hội giới thiệu Đoàn Thư ký Đại hội gồm:
 - Bà Đinh Thị Tinh – Trưởng đoàn;
 - Bà Nguyễn Thị Phương – Thành viên.
4. Ông Nguyễn Hoa Cương - Chủ tọa Đại hội giới thiệu các thành viên Ban Kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua gồm các Ông:

- Ông Đỗ Xuân Thắng – Trưởng ban;
- Ông Hoàng Hưng – Thành viên;
- Ông Nguyễn Mạnh Dũng – Thành viên.

5. Ông Nguyễn Hoa Cương trình bày Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội.

Đến 9 giờ 20 phút ngày 26 tháng 4 năm 2023, tổng số cổ đông tham dự họp là 319 cổ đông (trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền tham dự), đại diện tổng cộng 491.375.930 phiếu biểu quyết, chiếm 57,7074% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX vẫn đủ điều kiện tiếp tục tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

Kết quả biểu quyết bằng phương thức giơ tờ thẻ biểu quyết thông qua Danh sách Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội như sau:

STT	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp				
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Danh sách Ban kiểm phiếu	491.375.930	491.375.930	0	491.375.930	0	0
			100,0000%	0,0000%	100,0000%	0,0000%	0,0000%
2	Chương trình Đại hội	491.375.930	491.375.930	0	491.375.930	0	0
			100,0000%	0,0000%	100,0000%	0,0000%	0,0000%
3	Quy chế làm việc Đại hội	491.375.930	491.375.930	0	491.375.930	0	0
			100,0000%	0,0000%	100,0000%	0,0000%	0,0000%

Như vậy, với tỷ lệ biểu quyết tán thành tương ứng cho từng vấn đề như nêu trên, Đại hội đã thống nhất thông qua Danh sách Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội.

III. Trình bày nội dung các Báo cáo:

1. Ông Nguyễn Trọng Tiếu – Phó Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 và phương hướng, kế hoạch kinh doanh năm 2023.

2. Ông Nguyễn Trọng Hiền – Phó Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023.
3. Ông Đậu Minh Lâm – Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, Thành viên độc lập HĐQT trình bày Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.

IV. Trình bày các Tờ trình ĐHĐCĐ:

Ông Lương Thanh Tùng – Phó Chủ tịch HĐQT trình bày Tờ trình số 17/2023/GELEX/TTr - HĐQT về các vấn đề trình ĐHĐCĐ:

- Vấn đề 1: Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;
- Vấn đề 2: Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021;
- Vấn đề 3: Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2022;
- Vấn đề 4: Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2023;
- Vấn đề 5: Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023 và nội dung khác liên quan;
- Vấn đề 6: Giao dịch với các bên có liên quan năm 2023;
- Vấn đề 7: Miễn nhiệm 02 (hai) thành viên HĐQT xin từ nhiệm và thay đổi số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 từ 07 (bảy) thành viên thành 05 (năm) thành viên;
- Vấn đề 8: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

V. Đại hội tiến hành thảo luận, đóng góp ý kiến cho nội dung các Báo cáo và các vấn đề trình:

Mã đại biểu	Câu hỏi	Nội dung trả lời của Đoàn chủ tọa
052478	<p>Quý II/2023, tình hình đáo hạn như thế nào, số lượng bao nhiêu, nguồn vốn thu xếp trả như thế nào?</p> <p>Thị trường thiết bị điện xuất khẩu mục tiêu là thị trường nào, định hướng xuất khẩu bao nhiêu %?</p> <p>Năm 2021-2022, dự phòng phải thu ngắn hạn tăng mạnh. Tình hình khoản phải thu ngắn hạn đó như thế nào, khả năng thu hồi bao nhiêu %?</p>	<p>Đến thời điểm 31/12/2022, dư nợ trái phiếu còn 2.829 tỷ đồng. Trong đó có khoản trái phiếu phát hành năm 2019 được CGIF bảo lãnh có thời hạn 10 năm. Các món TP GELEX đều được thanh toán gốc lãi đầy đủ, đúng hạn. Trong năm 2023, số dư TP đến hạn thanh toán là 879 tỷ đồng và GELEX đã có kế hoạch và sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ gốc, lãi khi đến hạn. Với quy mô tài sản khoảng 52.000 tỷ, dư địa trái phiếu như vậy là rất nhỏ.</p> <p>Tình hình kinh doanh khó khăn, tồn kho, phải thu của các doanh nghiệp trong nền kinh tế tăng cao. Trong hệ thống GELEX, các đơn vị thành viên đã trích lập dự phòng kịp thời, đúng quy định. Cập nhật cuối quý I/2023, dự phòng phải thu ~ 560 tỷ trong đó 300 tỷ của VGC, 131 tỷ đồng của HEM, ..., còn lại phân bổ ở các đơn vị khác, Tập đoàn cũng không có khoản nào. GELEX vẫn đang tiếp tục bám sát kế hoạch thu hồi nợ đảm bảo tài chính lành mạnh cho hệ thống.</p>
052468	<p>Chia sẻ thêm thông tin hợp tác giữa Gelex và Frasers.</p> <p>Ngoài Frasers, Gelex có kế hoạch hợp tác nào khác trong tương lai không?</p>	<p>Để có được kết quả hợp tác Frasers như hiện nay là một quá trình dài tiếp xúc, làm việc, đàm phán, ...</p> <p>Titan là dự án hợp tác đầu tiên giữa GELEX và Frasers hướng đến mục tiêu trước mắt là phát triển các không gian công nghiệp, kho, nhà xưởng chất lượng cao, tiêu chuẩn quốc tế tại VN.</p> <p>Liên doanh tập trung cung cấp các sản phẩm hậu cần công nghiệp tiêu chuẩn quốc tế như Nhà xưởng xây sẵn; Nhà kho xây sẵn; Nhà xưởng và nhà kho xây theo yêu cầu... Việc mở rộng mối quan hệ hợp tác với Frasser sẽ giúp khai thác và sử dụng tốt hơn nền tảng hạ tầng BĐS KCN, nâng cao chuỗi giá trị hạ tầng BĐS KCN.</p> <p>Tổng mức đầu tư trong giai đoạn đầu này dự kiến là khoảng 6.000 tỷ đồng, tương đương 250 triệu USD.</p> <p>GELEX và Frasers sẽ sử dụng kinh nghiệm và thế mạnh của mỗi bên để cùng đóng góp cho sự phát triển của Titan. GELEX có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh</p>

		<p>vực sản xuất công nghiệp và cơ sở hạ tầng tại Việt Nam, còn Frasers là công ty bất động sản quốc tế giàu kinh nghiệm, đã để lại nhiều dấu ấn trên nhiều thị trường quốc tế đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp & logistics (đang vận hành nhiều không gian công nghiệp và logistic tại nhiều thị trường như Úc, Anh, Thái Lan, Việt Nam ...)</p> <p>Đây là động lực phát triển của Tập đoàn trong thời gian tới, tạo ra thu nhập ổn định, gia tăng giá trị tài sản và tăng vị thế, uy tín của Tập đoàn.</p> <p>Dựa vào mức độ thành công của liên doanh này, Tập đoàn sẽ xem xét mở rộng các danh mục sản phẩm của liên doanh.</p>
052469	<p>Tại sao Gelex thoái vốn các dự án năng lượng và cập nhật tình hình thoái vốn cho cổ đông?</p> <p>Trong thời gian sắp tới, Gelex có ý định tiếp tục đầu tư các dự án năng lượng tái tạo đã đề ra hay không?</p>	<p>Việt Nam còn nhiều tiềm năng đầu tư về nguồn điện. Dự thảo Quy hoạch điện VIII đưa ra mục tiêu đến năm 2030 nâng tổng công suất lên gấp đôi, ưu tiên nhiều cho lĩnh vực năng lượng tái tạo. Do vậy, GELEX vẫn ưu tiên phát triển mảng năng lượng tái tạo này. Quá trình phát triển, đầu tư, vận hành các dự án hiện nay, GELEX đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm, đặc biệt là khâu quản lý và vận hành. Do đó GELEX định hướng tập trung các dự án quy mô lớn hơn, phối hợp với các đối tác lớn.</p> <p>Nhằm tối ưu hiệu quả các hoạt động đầu tư, GELEX sẽ tái cơ cấu lại danh mục đầu tư hiện nay thông qua việc mời gọi các nhà đầu tư/tổ chức/định chế uy tín, tiềm năng để có được nguồn vốn phục vụ cho các dự án chiến lược đồng thời huy động được các nguồn lực về vị thế, kinh nghiệm, công nghệ,</p> <p>Hiện GELEX đang làm việc với các tổ chức lớn (tổ chức phát nguồn điện và các định chế tài chính) trong việc này.</p>
052470	<p>Tình hình kinh tế năm 2023 tiếp tục xấu sẽ ảnh hưởng đến hoàn thành các kế hoạch kinh doanh của Gelex như thế nào?</p> <p>Chiến lược cho từng mảng hoạt động của Gelex trong thời gian tới trong bối cảnh này như thế nào?</p>	<p>Gelex đánh giá năm 2023 vẫn là năm có nhiều khó khăn, thách thức do đó GELEX cần tiếp tục tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, bám sát diễn biến thị trường, điều chỉnh kịp thời linh hoạt hoạt động SXKD để hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ thông qua.</p> <p>Kế hoạch KD năm 2023 của GELEX và 2 sub-holding như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GELEX hợp nhất: DTT hợp nhất 37.457 tỷ đồng; LNTT hợp nhất 1.272 tỷ đồng

		<p>- GELEX Điện lực: DTT 19.422 tỷ, LNTT 928 tỷ đồng</p> <p>- GELEX Hạ tầng: DTT 17.954 tỷ đồng, LNTT 1.186 tỷ đồng</p> <p>GELEX không ưu tiên lợi nhuận giai đoạn này mà tập trung quản trị rủi ro hệ thống, tái cấu trúc hiệu quả và đảm bảo các hệ số tài chính ở mức tốt.</p> <p>GELEX giữ vai trò định hướng chiến lược cho toàn hệ thống, chiến lược SXKD cụ thể với từng lĩnh vực hoạt động; huy động và phân bổ nguồn lực phù hợp cho các CTTV; đồng thời quản trị xuyên suốt toàn hệ thống trên 3 mảng là tài chính kế hoạch, nhân sự và kiểm toán nội bộ.</p> <p>Màng sản xuất TĐĐ & VLXD: Phát triển thị trường mới, tìm kiếm thêm cơ hội xuất khẩu sản phẩm; Tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm bằng cách tối ưu chi phí sản xuất, R&D sản phẩm mới phù hợp nhu cầu TT; Hợp tác với các đối tác quốc tế để chuyển giao công nghệ và mở rộng thị trường. Ví dụ ở mảng VLXD, GELEX kỳ vọng vào một số sản phẩm mới công nghệ cao, chất lượng cao sẽ tạo động lực tăng trưởng tốt như sản phẩm đá nung kết Vasta Stone – một trong những thương hiệu đá nung kết đầu tiên tại châu Á Thái Bình Dương, được sản xuất hoàn toàn tại Việt Nam trên dây chuyền hiện đại của Ý..</p> <p>Năng lượng: nghiên cứu và chọn lọc đầu tư các dự án NLTT mới phù hợp, Vận hành ổn định các dự án đang hoạt động.</p> <p>Nước sạch: tiếp tục hoàn thành đầu tư đúng tiến độ GD 2 dự án nâng công suất lên 600.000m3/NĐ.</p> <p>KCN: Với các KCN đang vận hành, đầu tư hoàn thiện chuỗi giá trị hạ tầng KCN, BDS, gia tăng tiện ích để nâng cao hiệu quả lợi nhuận và khai thác tối đa giá trị tạo ra trên 1 đơn vị quỹ đất.</p> <p>BDS: Tập trung phát triển Nhà ở xã hội; Tiếp tục đầu tư hoàn thành đúng tiến độ dự án tổ hợp KS, Văn phòng, TTTM số 10 TNH; Phát triển thêm quỹ đất sạch, đầu tư các dự án Nhà ở thương mại, BDS nghỉ dưỡng, văn phòng cho thuê</p>
052494	Tình hình SXKD quý I năm 2023 như thế nào? Các mảng kinh doanh liệu có đạt được	Quý 1-2023, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn diễn biến xấu khi tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức thấp, nguy cơ lạm phát tăng cao, giá

<p>các mục tiêu đã đề ra hay không?</p>	<p>nguyên vật liệu cơ bản biến động mạnh. Tại thị trường Việt Nam, tăng trưởng GDP Quý 1-2023 chỉ đạt 3,32%, một trong những mức tăng trưởng quý thấp nhất trong vòng 10 năm qua trong khi lạm phát cơ bản tăng cao 5,01%. Do đó, tình hình thị trường chung làm ảnh hưởng nhiều đến các mảng SXKD của GELEX đặc biệt là lĩnh vực Thiết bị điện, Vật liệu xây dựng, KCN&BDS.</p> <p>Kết quả kinh doanh hợp nhất Q1 của GELEX ước đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần ước đạt 6.410 tỷ đồng, giảm 13% so với Quý 4-2022, bằng 74% so với cùng kỳ, đạt 17% kế hoạch cả năm 2023. - LNTT ước đạt 144 tỷ đồng, đạt 11% kế hoạch cả năm 2023. <p>Tình hình các mảng hoạt động chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mảng Thiết bị điện: DTT quý 1 ước đạt 3.402 tỷ đồng, giảm 13% so với quý trước, giảm 26% so với cùng kỳ. Tuy thị trường gặp nhiều khó khăn trong quý 1 nhưng một số đơn vị thiết bị điện vẫn nỗ lực hoàn thành kế hoạch như: CADIVI, CFT ... Các quý tiếp theo, GELEX định hướng các đơn vị tiếp tục bám sát kế hoạch đã lập, đặc biệt ở các mảng điện lực và xuất khẩu; tối ưu hóa hàng tồn kho để giảm chi phí tài chính. - Mảng VLXD: đây là nhóm bị ảnh hưởng tương đối nhiều trong Quý 1. DTT Quý 1-2023 ước đạt 1.538 tỷ đồng, giảm 30% so với cùng kỳ do sản lượng giảm và giá bán ra giảm. - Mảng Năng lượng và nước sạch có tăng trưởng svck. DTT ước đạt 402 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ do các dự án năng lượng vận hành ổn định trong Quý 1-2023, đặc biệt là các dự án điện gió ước đạt kế hoạch sản lượng và doanh thu quý. Năm 2023, GELEX tiếp tục đạt mục tiêu sản xuất điện an toàn, tiết kiệm chi phí và tối ưu hoạt động của các nhà máy điện. - Mảng KCN&BDS ước đạt DTT 1.233 tỷ đồng, tăng 46% so với Quý 4-2022, giảm 23% so với cùng kỳ. <p>Triển vọng các quý còn lại trong năm:</p> <p>Với nhiều biện pháp và chính sách thiết thực của Chính phủ nhằm hỗ trợ thị trường chung, thị trường BĐS, ổn định tỷ giá, lãi suất, tình hình kinh tế KH có triển vọng cải thiện tốt hơn trong các quý cuối năm. Qua đó, GELEX kỳ vọng</p>
---	---

		<p>hoạt động của Công ty sẽ được cải thiện, đặc biệt là 2 mảng Thiết bị điện và Vật liệu xây dựng.</p>
1406	<p>Dự án Trần Nguyên Hãn: dự kiến bao giờ hoàn thành?</p> <p>Mảng bất động sản khu công nghiệp: trong năm 2023 có dự kiến có thêm các khu BĐS KCN mới hay không? Nếu có chia sẻ thêm?</p> <p>Hiện nay tất cả các dự án năng lượng tái tạo đã hoàn thành hay chưa, có dự án nào đang dở dang hay không? Dự án đã hoàn thành có kịp hưởng giá ưu đãi không? Có Dự án nào chậm dẫn đến không được hưởng giá ưu đãi hay không?</p> <p>Trong năm nay có kế hoạch phát triển dự án năng lượng tái tạo mới nào không?</p>	<p>Hiện tại, Dự án đang thi công hoàn thiện phần hầm và đang hoàn thiện tiếp pháp lý phòng cháy chữa cháy. Dự kiến, sang đầu Quý I/2025, sẽ đưa một phần khối Văn Phòng và Khách sạn vào hoạt động.</p> <p>Viglacera trọng tâm vào 2 lĩnh vực chính BĐS và vật liệu xây dựng. Về lĩnh vực BĐS KCN, Viglacera là một thương hiệu lớn và uy tín. Chủ trương đầu tư và phát triển mảng BĐS KCN là liên tục có các dự án gối đầu. Năm 2023, tập trung phát triển một số dự án tại các địa phương có tiềm lực như Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Thái Bình, Hưng Yên.</p> <p>Trong năm 2023, phần đầu được chấp thuận chủ trương cho 03 khu công nghiệp tương đương 850 ha.</p> <p>Đánh giá chung: đây là thời kỳ dân số vàng, có nguồn lực lao động tốt phục vụ SXKD. Do đó việc phát triển các BĐS KCN vẫn có tiềm năng để phát triển.</p> <p>Toàn bộ các dự án điện gió đã kịp thời gian COD để hưởng giá ưu đãi. Không có dự án nào chậm COD.</p> <p>Tập đoàn cũng đang có một số dự án nghiên cứu và bám sát nhu cầu địa phương để làm việc.</p>
03279	<p>Hiện tại, Giá cổ phiếu đã phản ánh đúng giá trị doanh nghiệp và giá trị đóng góp cho kinh tế xã hội của Công ty chưa?</p> <p>Các giải pháp của Gelex để công chúng, nhà</p>	<p>Giai đoạn trước tập trung M&A để mở rộng quy mô trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật tại từng giai đoạn khác nhau.</p> <p>Ban lãnh đạo tìm kiếm các đối tác chiến lược nước ngoài, tái cấu trúc danh mục đầu tư, ...</p>

	<p>đầu tư hiểu rõ hơn về giá trị doanh nghiệp là gì?</p>	<p>Để cải thiện hình ảnh và giá trị doanh nghiệp, truyền thông là một khía cạnh. Ngoài ra, Ban lãnh đạo đang củng cố nội lực doanh nghiệp đồng thời chú trọng phát triển con người, nguồn nhân lực, quản trị xuyên suốt hệ thống trên các mảng tài chính kế hoạch, nhân sự, kiểm toán nội bộ.</p> <p>Thời gian gần đây, Gelex đã và đang chú trọng công tác truyền thông và đã có nhiều cải thiện.</p>
52522	<p>Cổ đông góp ý: Theo cổ đông, giá trị cổ phiếu GELEX đang rẻ hơn so với giá trị doanh nghiệp (cổ đông đánh giá về tài sản, hướng đi, dòng tiền, lợi nhuận). Cổ đông đánh giá: Gelex có dòng tiền ổn định, tài chính lành mạnh, lợi nhuận khả năng cao hơn kế hoạch đặt ra, ...</p> <p>Cổ đông ủng hộ chủ trương tái cơ cấu danh mục đầu tư các dự án sản xuất điện để có nguồn tiền phục vụ các hoạt động đầu tư chiến lược khác.</p> <p>Cổ đông cũng đánh giá cao hướng hợp tác liên doanh với Frasers, đánh giá cao về BĐS KCN, vật liệu xây dựng của Viglacera.</p> <p>Cổ đông mong muốn bán càng nhanh càng tốt các dự án đã COD, đã hưởng giá FIT để có nguồn tiền đầu tư chiến lược và cơ cấu lại nợ.</p> <p>Cổ đông mong muốn Tổng Giám đốc có những biện pháp truyền thông tốt hơn để thị trường hiểu rõ về Công ty.</p>	<p>Đoàn Chủ tịch cảm ơn những ý kiến đóng góp của cổ đông.</p>

Đoàn Chủ tịch đã trả lời các câu hỏi có tính chất đại diện (do nhiều câu hỏi của các cổ đông có nội dung tương đồng). Đoàn Chủ tịch xin gửi lời cảm ơn tới Quý cổ đông vì đây chính là tín hiệu thể hiện sự quan tâm rất lớn của Quý cổ đông đến Đại hội. Tuy nhiên, thời lượng của Đại hội có hạn, phần thảo luận của Đại hội dừng theo thời lượng trong Chương trình Đại hội.

VI. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình bằng hình thức bỏ phiếu.

Đến 11 giờ 37 phút ngày 26 tháng 4 năm 2023, tổng số cổ đông tham dự họp là 344 cổ đông (trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền tham dự), đại diện tổng cộng 497.272.961 phiếu biểu quyết, chiếm 58,3999% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX vẫn đủ điều kiện tiếp tục tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

Kết quả kiểm phiếu:

- Tổng số tờ phiếu phát ra đại diện cho 497.272.961 phiếu biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu thu về đại diện cho 496.577.273 phiếu biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không thu về đại diện cho 695.688 phiếu biểu quyết.

STT	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên				
			Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp				
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 và phương hướng, kế hoạch kinh doanh năm 2023	496.577.273	496.577.273	0	496.025.687	78.200	473.386
			100,0000%	0,0000%	99,8889%	0,0157%	0,0953%
2	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023	496.577.273	496.577.273	0	496.127.767	0	449.506
			100,0000%	0,0000%	99,9095%	0,0000%	0,0905%
3	Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán	496.577.273	496.577.273	0	496.062.706	51.060	463.507
			100,0000%	0,0000%	99,8964%	0,0103%	0,0933%
4	Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022	496.577.273	496.577.273	0	496.078.687	0	498.586
			100,0000%	0,0000%	99,8996%	0,0000%	0,1004%
5	Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021	496.577.273	496.577.273	0	496.027.545	0	549.728

			100,0000%	0,0000%	99,8893%	0,0000%	0,1107%
6	Phân phối lợi nhuận năm 2022	496.577.273	496.577.273	0	494.453.160	1.723.451	400.662
			100,0000%	0,0000%	99,5722%	0,3471%	0,0807%
7	Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2023	496.577.273	496.577.273	41	496.125.531	105.200	346.501
			100,0000%	0,000000 8%	99,9090%	0,0212%	0,0698%
8	Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính năm 2023 và nội dung khác liên quan	496.577.273	496.577.273	0	482.140.420	1.330.226	13.106.627
			100,0000%	0,0000%	97,0927%	0,2679%	2,6394%
9	9.1. Giao dịch với các bên có liên quan năm 2023 - Công ty cổ phần Điện lực GELEX (*)	231.602.393	231.602.393	0	211.073.917	19.839.590	688.886
			100%	0,0000%	91,1363%	8,5662%	0,2974%
	9.2. Giao dịch với các bên có liên quan năm 2023 - Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX (**)	494.833.273	494.828.373	4.900	474.284.917	19.839.590	703.866
			99,9990%	0,0010%	95,8474%	4,0093%	0,1422%
10	Miễn nhiệm 02 (hai) thành viên HĐQT xin từ nhiệm và thay đổi số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 từ 07 (bảy) thành viên thành 05 (năm) thành viên	496.577.273	496.577.273	0	496.137.025	10.200	430.048
			100,0000%	0,0000%	99,9113%	0,0021%	0,0866%
11	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	496.577.273	496.546.964	30.309	496.154.121	0	392.843
			99,9939%	0,0061%	99,9148%	0,0000%	0,0791%

Ghi chú:

- (*) Do có 07 cổ đông tham dự họp (chiếm 264.974.880 phiếu biểu quyết) không có quyền biểu quyết vì là bên liên quan đến các bên trong giao dịch nên sau khi loại phiếu theo quy định thì tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp đối với nội dung số 9.1 - Giao dịch với các bên có liên quan năm 2023 - Công ty cổ phần Điện lực GELEX là 231.602.393 phiếu biểu quyết.
- (***) Do có 01 cổ đông tham dự họp (chiếm 1.744.000 phiếu biểu quyết) không có quyền biểu quyết vì là bên liên quan đến các bên trong giao dịch nên sau khi loại phiếu theo quy định thì tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp đối với nội dung số 9.2 - Giao dịch với các bên có liên quan năm 2023 - Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX là 494.833.273 phiếu biểu quyết.

Như vậy, với tỷ lệ biểu quyết tán thành tương ứng cho từng vấn đề như nêu trên, Đại hội đã thống nhất thông qua các Báo cáo và Tờ trình đã được trình bày tại Đại hội.

VII. Thông qua Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023:

Bà Đinh Thị Tình - thay mặt Đoàn Thư ký trình bày trước Đại hội nội dung Dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung của Biên bản và Nghị quyết Đại hội bằng hình thức giơ tờ thẻ biểu quyết theo Điều lệ, Quy chế làm việc và hiệu lệnh của Chủ tọa.

Vào lúc 12 giờ 11 phút ngày 26 tháng 4 năm 2023, tổng số cổ đông tham dự họp là 344 cổ đông (trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền tham dự), đại diện tổng cộng 497.272.961 phiếu biểu quyết, chiếm 58,3999% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX vẫn đủ điều kiện tiếp tục tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

- Kết quả biểu quyết như sau:

STT	Nội dung thông qua	Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp				
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Dự thảo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	497.272.961	497.272.961	0	497.272.961	0	0
			100,0000%	0,0000%	100,0000%	0,0000%	0,0000%
2	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	497.272.961	497.272.961	0	497.272.961	0	0
			100,0000%	0,0000%	100,0000%	0,0000%	0,0000%

Như vậy, với tỷ lệ tán thành như nêu trên, tại Đại hội, Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX đã được biểu quyết thông qua.

VIII. Ông Nguyễn Hoa Cường tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX bế mạc vào hồi 12 giờ 15 phút ngày 26/04/2023.

Ông Nguyễn Hoa Cường với tư cách Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX thay mặt ĐHĐCĐ ký ban hành Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

TM/ ĐOÀN THỦ KÝ


Đinh Thị Tình



**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX**

STT	Mã cổ đông	Họ và tên cổ đông	Số Giấy tờ pháp lý	Số cổ phần sở hữu	Mã đại biểu của người nhận ủy quyền	Họ và tên người nhận ủy quyền	Số giấy tờ pháp lý	Số cổ phần được ủy quyền tham dự và biểu quyết	Số phiếu biểu quyết tương ứng
1	GEX.000001			202.275.993				202.275.993	202.275.993
2	GEX.000010			11.118.000				11.118.000	11.118.000
3	GEX.000026			2.880.900				2.880.900	2.880.900
4	GEX.000031			2.300.600				2.300.600	2.300.600
5	GEX.000034			1.872.698				1.872.698	1.872.698
6	GEX.000038			1.744.000				1.744.000	1.744.000
7	GEX.000039			1.744.000				1.744.000	1.744.000
8	GEX.000053			1.226.885				1.226.885	1.226.885
9	GEX.000088			616.866				616.866	616.866
10	GEX.000133			414.500				414.500	414.500
11	GEX.000171			316.300				316.300	316.300
12	GEX.000346			160.037				160.037	160.037
13	GEX.000359			156.200				156.200	156.200
14	GEX.000435			131.006				131.006	131.006
15	GEX.000503			110.000				110.000	110.000
16	GEX.000681			88.211				88.211	88.211
17	GEX.000690			87.300				87.300	87.300
18	GEX.000701			85.550				85.550	85.550
19	GEX.000708			85.000				85.000	85.000
20	GEX.000771			78.200				78.200	78.200
21	GEX.000871			68.200				68.200	68.200
22	GEX.001066			52.320				52.320	52.320
23	GEX.001068			52.300				52.300	52.300
24	GEX.001085			51.101				51.101	51.101
25	GEX.001087			51.060				51.060	51.060
26	GEX.001110			50.200				50.200	50.200
27	GEX.001139			50.000				50.000	50.000
28	GEX.001374			41.700				41.700	41.700

STT	Mã cổ đông	Họ và tên cổ đông	Số Giấy tờ pháp lý	Số cổ phần sở hữu	Mã đại biểu của người nhận ủy quyền	Họ và tên người nhận ủy quyền	Số giấy tờ pháp lý	Số cổ phần được ủy quyền tham dự và biểu quyết	Số phiếu biên quyết tương ứng
29	GEX.001381			41.100				41.100	41.100
30	GEX.001406			40.085				40.085	40.085
31	GEX.001491			39.280				39.280	39.280
32	GEX.001581			36.163				36.163	36.163
33	GEX.001648			35.000				35.000	35.000
34	GEX.001850			30.600				30.600	30.600
35	GEX.001874			30.041				30.041	30.041
36	GEX.002040			29.000				29.000	29.000
37	GEX.002201			26.000				26.000	26.000
38	GEX.002385			24.200				24.200	24.200
39	GEX.002387			24.100				24.100	24.100
40	GEX.002588			22.000				22.000	22.000
41	GEX.003279			18.000				18.000	18.000
42	GEX.003748			15.000				15.000	15.000
43	GEX.003939			14.400				14.400	14.400
44	GEX.003946			14.400				14.400	14.400
45	GEX.004154			13.364				13.364	13.364
46	GEX.004257			13.000				13.000	13.000
47	GEX.004431			12.170				12.170	12.170
48	GEX.004616			11.800				11.800	11.800
49	GEX.004655			11.600				11.600	11.600
50	GEX.005063			10.200				10.200	10.200
51	GEX.005193			10.000				10.000	10.000
52	GEX.005571			10.000				10.000	10.000
53	GEX.005695			10.000				10.000	10.000
54	GEX.005777			10.000				10.000	10.000
55	GEX.003810			9.859				9.859	9.859
56	GEX.005875			9.500				9.500	9.500
57	GEX.006072			9.000				9.000	9.000
58	GEX.006084			9.000				9.000	9.000
59	GEX.006135			9.000				9.000	9.000
60	GEX.006501			8.200				8.200	8.200
61	GEX.006664			8.000				8.000	8.000
62	GEX.006926			7.783				7.783	7.783

STT	Mã cổ đông	Họ và tên cổ đông	Số Giấy tờ pháp lý	Số cổ phần sở hữu	Mã đại biểu của người nhận ủy quyền	Họ và tên người nhận ủy quyền	Số giấy tờ pháp lý	Số cổ phần được ủy quyền tham dự và biểu quyết	Số phiếu biểu quyết tương ứng
63	GEX.007458			7.000				7.000	7.000
64	GEX.007963			6.200				6.200	6.200
65	GEX.008218			6.000				6.000	6.000
66	GEX.008343			6.000				6.000	6.000
67	GEX.009050			5.100				5.100	5.100
68	GEX.009801			5.000				5.000	5.000
69	GEX.010153			4.900				4.900	4.900
70	GEX.010231			4.800				4.800	4.800
71	GEX.010540			4.500				4.500	4.500
72	GEX.010792			4.300				4.300	4.300
73	GEX.011342			4.000				4.000	4.000
74	GEX.011841			4.000				4.000	4.000
75	GEX.011916			3.900				3.900	3.900
76	GEX.013387			3.000				3.000	3.000
77	GEX.014096			3.000				3.000	3.000
78	GEX.014478			3.000				3.000	3.000
79	GEX.015015			2.700				2.700	2.700
80	GEX.015244			2.600				2.600	2.600
81	GEX.016363			2.201				2.201	2.201
82	GEX.016431			2.200				2.200	2.200
83	GEX.016442			2.200				2.200	2.200
84	GEX.016816			2.100				2.100	2.100
85	GEX.017654			2.000				2.000	2.000
86	GEX.017811			2.000				2.000	2.000
87	GEX.018381			2.000				2.000	2.000
88	GEX.018961			2.000				2.000	2.000
89	GEX.019167			1.911				1.911	1.911
90	GEX.019768			1.800				1.800	1.800
91	GEX.020177			1.700				1.700	1.700
92	GEX.021142			1.500				1.500	1.500
93	GEX.021204			1.500				1.500	1.500
94	GEX.021286			1.500				1.500	1.500
95	GEX.021309			1.500				1.500	1.500
96	GEX.026472			1.000				1.000	1.000

STT	Mã cổ đông	Họ và tên cổ đông	Số Giấy tờ pháp lý	Số cổ phần sở hữu	Mã đại biểu của người nhận ủy quyền	Họ và tên người nhận ủy quyền	Số giấy tờ pháp lý	Số cổ phần được ủy quyền tham dự và biểu quyết	Số phiếu biểu quyết tương ứng
97	GEX.026585			1.000				1.000	1.000
98	GEX.026669			1.000				1.000	1.000
99	GEX.029144			800				800	800
100	GEX.029900			700				700	700
101	GEX.030997			630				630	630
102	GEX.031109			600				600	600
103	GEX.031131			600				600	600
104	GEX.031851			600				600	600
105	GEX.033929			500				500	500
106	GEX.035232			500				500	500
107	GEX.036482			400				400	400
108	GEX.036560			400				400	400
109	GEX.036991			400				400	400
110	GEX.044240			100				100	100
111	GEX.044375			100				100	100
112	GEX.044457			100				100	100
113	GEX.045095			100				100	100
114	GEX.046134			100				100	100
115	GEX.047506			100				100	100
116	GEX.050032			35				35	35
117	GEX.051193			10				10	10
118	GEX.051209			9				9	9
119	GEX.051575			9				9	9
120	GEX.052047			5				5	5
121	GEX.000002			33.272.800	GEX.000010			33.272.800	33.272.800
122	GEX.000003			30.000.000	GEX.000010			30.000.000	30.000.000
123	GEX.000004			26.159.999	GEX.000010			26.159.999	26.159.999
124	GEX.000005			21.103.865	GEX.000010			21.103.865	21.103.865
125	GEX.000007			14.799.883	GEX.052471			14.799.883	14.799.883
126	GEX.000008			12.551.885	GEX.052471			12.551.885	12.551.885
127	GEX.000009			12.374.764	GEX.052525			12.374.764	12.374.764
128	GEX.000011			11.000.000	GEX.052491			11.000.000	11.000.000

STT	Mã cổ đông	Họ và tên cổ đông	Số Giấy tờ pháp lý	Số cổ phần sở hữu	Mã đại biểu của người nhận ủy quyền	Họ và tên người nhận ủy quyền	Số giấy tờ pháp lý	Số cổ phần được ủy quyền tham dự và biểu quyết	Số phiếu biểu quyết tương ứng
129	GEX.000012			7.218.000	GEX.000010			7.218.000	7.218.000
130	GEX.000014			6.080.510	GEX.000010			6.080.510	6.080.510
131	GEX.000015			5.943.100	GEX.052471			5.943.100	5.943.100
132	GEX.000016			5.750.000	GEX.052471			5.750.000	5.750.000
133	GEX.000018			4.527.000	GEX.000010			4.527.000	4.527.000
134	GEX.000019			4.416.184	GEX.052527			4.416.184	4.416.184
135	GEX.000020			4.370.350	GEX.000010			4.370.350	4.370.350
136	GEX.000022			3.900.000	GEX.002040			3.900.000	3.900.000
137	GEX.000024			3.447.233	GEX.000010			3.447.233	3.447.233
138	GEX.000025			3.309.200	GEX.052522			3.309.200	3.309.200
139	GEX.000027			2.875.200	GEX.000010			2.875.200	2.875.200
140	GEX.000028			2.866.501	GEX.000010			2.866.501	2.866.501
141	GEX.000032			2.060.000	GEX.000010			2.060.000	2.060.000
142	GEX.000036			1.800.000	GEX.000010			1.800.000	1.800.000
143	GEX.000037			1.785.000	GEX.000010			1.785.000	1.785.000
144	GEX.000040			1.680.500	GEX.000010			1.680.500	1.680.500
145	GEX.000042			1.672.000	GEX.000010			1.672.000	1.672.000
146	GEX.000043			1.608.840	GEX.052537			1.608.840	1.608.840
147	GEX.000044			1.531.878	GEX.000010			1.531.878	1.531.878
148	GEX.000047			1.489.032	GEX.052544			1.489.032	1.489.032
149	GEX.000049			1.330.226	GEX.052549			1.330.226	1.330.226
150	GEX.000050			1.284.900	GEX.000010			1.284.900	1.284.900
151	GEX.000051			1.278.294	GEX.000010			1.278.294	1.278.294
152	GEX.000052			1.228.200	GEX.000010			1.228.200	1.228.200
153	GEX.000054			1.220.600	GEX.000010			1.220.600	1.220.600
154	GEX.000056			1.194.750	GEX.000010			1.194.750	1.194.750
155	GEX.000058			1.157.900	GEX.052485			1.157.900	1.157.900
156	GEX.000059			1.130.000	GEX.000010			1.130.000	1.130.000
157	GEX.000060			1.004.000	GEX.000010			1.004.000	1.004.000

STT	Mã cổ đông	Họ và tên cổ đông	Số Giấy tờ pháp lý	Số cổ phần sở hữu	Mã đại biểu của người nhận ủy quyền	Họ và tên người nhận ủy quyền	Số giấy tờ pháp lý	Số cổ phần được ủy quyền tham dự và biểu quyết	Số phiếu biểu quyết tương ứng
158	GEX.000061			1.000.000	GEX.052493			1.000.000	1.000.000
159	GEX.000062			991.654	GEX.000010			991.654	991.654
160	GEX.000063			991.089	GEX.000010			991.089	991.089
161	GEX.000065			975.415	GEX.052496			975.415	975.415
162	GEX.000066			924.545	GEX.000010			924.545	924.545
163	GEX.000069			870.300	GEX.000010			870.300	870.300
164	GEX.000070			855.000	GEX.052492			855.000	855.000
165	GEX.000071			850.000	GEX.000010			850.000	850.000
166	GEX.000075			800.000	GEX.000010			800.000	800.000
167	GEX.000076			800.000	GEX.000010			800.000	800.000
168	GEX.000078			780.367	GEX.000010			780.367	780.367
169	GEX.000082			671.663	GEX.000010			671.663	671.663
170	GEX.000083			670.000	GEX.000010			670.000	670.000
171	GEX.000085			651.834	GEX.000010			651.834	651.834
172	GEX.000090			600.055	GEX.000010			600.055	600.055
173	GEX.000091			600.000	GEX.000010			600.000	600.000
174	GEX.000094			576.200	GEX.000010			576.200	576.200
175	GEX.000096			555.000	GEX.000010			555.000	555.000
176	GEX.000098			550.000	GEX.000010			550.000	550.000
177	GEX.000102			528.300	GEX.052529			528.300	528.300
178	GEX.000115			480.000	GEX.000010			480.000	480.000
179	GEX.000124			438.600	GEX.052551			438.600	438.600
180	GEX.000127			430.000	GEX.000010			430.000	430.000
181	GEX.000128			428.000	GEX.000010			428.000	428.000
182	GEX.000129			423.800	GEX.000010			423.800	423.800
183	GEX.000134			413.000	GEX.052497			413.000	413.000
184	GEX.000140			400.000	GEX.000010			400.000	400.000
185	GEX.000146			396.290	GEX.000681			396.290	396.290
186	GEX.000161			347.740	GEX.052545			347.740	347.740

STT	Mã cổ đông	Họ và tên cổ đông	Số Giấy tờ pháp lý	Số cổ phần sở hữu	Mã đại biểu của người nhận ủy quyền	Họ và tên người nhận ủy quyền	Số giấy tờ pháp lý	Số cổ phần được ủy quyền tham dự và biểu quyết	Số phiếu biểu quyết tương ứng
187	GEX.000165			335.000	GEX.000010			335.000	335.000
188	GEX.000167			328.309	GEX.000010			328.309	328.309
189	GEX.000172			315.031	GEX.000010			315.031	315.031
190	GEX.000196			285.000	GEX.000010			285.000	285.000
191	GEX.000220			240.300	GEX.000010			240.300	240.300
192	GEX.000221			240.000	GEX.000010			240.000	240.000
193	GEX.000223			239.631	GEX.000010			239.631	239.631
194	GEX.000229			235.059	GEX.000010			235.059	235.059
195	GEX.000230			233.400	GEX.000010			233.400	233.400
196	GEX.000237			228.083	GEX.000010			228.083	228.083
197	GEX.000238			227.700	GEX.000010			227.700	227.700
198	GEX.000243			220.300	GEX.052475			220.300	220.300
199	GEX.000252			216.155	GEX.000010			216.155	216.155
200	GEX.000261			207.454	GEX.000010			207.454	207.454
201	GEX.000265			201.486	GEX.000010			201.486	201.486
202	GEX.000279			200.000	GEX.000010			200.000	200.000
203	GEX.000291			200.000	GEX.000010			200.000	200.000
204	GEX.000295			193.693	GEX.000010			193.693	193.693
205	GEX.000308			185.000	GEX.000010			185.000	185.000
206	GEX.000310			181.709	GEX.000010			181.709	181.709
207	GEX.000312			180.000	GEX.000010			180.000	180.000
208	GEX.000319			177.300	GEX.000010			177.300	177.300
209	GEX.000322			175.008	GEX.000010			175.008	175.008
210	GEX.000339			165.000	GEX.000034			165.000	165.000
211	GEX.000347			160.000	GEX.000010			160.000	160.000
212	GEX.000355			158.500	GEX.052529			158.500	158.500
213	GEX.000377			150.000	GEX.000010			150.000	150.000
214	GEX.000381			150.000	GEX.000010			150.000	150.000
215	GEX.000397			146.174	GEX.000010			146.174	146.174
216	GEX.000416			140.000	GEX.000010			140.000	140.000
217	GEX.000417			140.000	GEX.000010			140.000	140.000

STT	Mã cổ đông	Họ và tên cổ đông	Số Giấy tờ pháp lý	Số cổ phần sở hữu	Mã đại biểu của người nhận ủy quyền	Họ và tên người nhận ủy quyền	Số giấy tờ pháp lý	Số cổ phần được ủy quyền tham dự và biểu quyết	Số phiếu biểu quyết tương ứng
218	GEX.000450			126.200	GEX.052491			126.200	126.200
219	GEX.000454			124.000	GEX.000010			124.000	124.000
220	GEX.000523			104.900	GEX.052548			104.900	104.900
221	GEX.000539			100.450	GEX.000010			100.450	100.450
222	GEX.000646			91.500	GEX.000010			91.500	91.500
223	GEX.000654			90.694	GEX.000010			90.694	90.694
224	GEX.000656			90.470	GEX.000010			90.470	90.470
225	GEX.000693			86.522	GEX.000010			86.522	86.522
226	GEX.000740			80.000	GEX.000010			80.000	80.000
227	GEX.000769			78.400	GEX.052479			78.400	78.400
228	GEX.000772			78.195	GEX.000010			78.195	78.195
229	GEX.000780			76.456	GEX.000010			76.456	76.456
230	GEX.000787			75.000	GEX.000010			75.000	75.000
231	GEX.000911			64.733	GEX.000010			64.733	64.733
232	GEX.001005			58.500	GEX.000010			58.500	58.500
233	GEX.001056			53.055	GEX.000010			53.055	53.055
234	GEX.001081			51.500	GEX.000010			51.500	51.500
235	GEX.001100			50.720	GEX.000010			50.720	50.720
236	GEX.001158			50.000	GEX.000010			50.000	50.000
237	GEX.001168			50.000	GEX.052509			50.000	50.000
238	GEX.001198			50.000	GEX.000010			50.000	50.000
239	GEX.001243			47.603	GEX.000010			47.603	47.603
240	GEX.001261			46.600	GEX.052480			46.600	46.600
241	GEX.001263			46.500	GEX.000010			46.500	46.500
242	GEX.001323			43.600	GEX.000010			43.600	43.600
243	GEX.001640			35.000	GEX.000010			35.000	35.000
244	GEX.001650			35.000	GEX.000010			35.000	35.000
245	GEX.001700			33.980	GEX.000010			33.980	33.980
246	GEX.001704			33.620	GEX.052495			33.620	33.620
247	GEX.001715			33.045	GEX.000010			33.045	33.045

STT	Mã cổ đông	Họ và tên cổ đông	Số Giấy tờ pháp lý	Số cổ phần sở hữu	Mã đại biểu của người nhận ủy quyền	Họ và tên người nhận ủy quyền	Số giấy tờ pháp lý	Số cổ phần được ủy quyền tham dự và biểu quyết	Số phiếu biểu quyết tương ứng
248	GEX.001810			31.160	GEX.000010			31.160	31.160
249	GEX.001878			30.000	GEX.013387			30.000	30.000
250	GEX.001967			30.000	GEX.000010			30.000	30.000
251	GEX.002072			28.300	GEX.000010			28.300	28.300
252	GEX.002099			28.000	GEX.000010			28.000	28.000
253	GEX.002131			27.080	GEX.000010			27.080	27.080
254	GEX.002176			26.350	GEX.000010			26.350	26.350
255	GEX.002349			24.880	GEX.000010			24.880	24.880
256	GEX.002392			24.080	GEX.000010			24.080	24.080
257	GEX.002502			22.810	GEX.000010			22.810	22.810
258	GEX.002572			22.000	GEX.000010			22.000	22.000
259	GEX.002593			22.000	GEX.000010			22.000	22.000
260	GEX.002749			20.000	GEX.000010			20.000	20.000
261	GEX.002840			20.000	GEX.052541			20.000	20.000
262	GEX.002881			20.000	GEX.052513			20.000	20.000
263	GEX.002925			20.000	GEX.000010			20.000	20.000
264	GEX.002972			20.000	GEX.000010			20.000	20.000
265	GEX.002998			20.000	GEX.000010			20.000	20.000
266	GEX.003083			19.300	GEX.052477			19.300	19.300
267	GEX.003155			19.000	GEX.000010			19.000	19.000
268	GEX.003239			18.000	GEX.052501			18.000	18.000
269	GEX.003288			17.800	GEX.000010			17.800	17.800
270	GEX.003671			15.000	GEX.000010			15.000	15.000
271	GEX.003702			15.000	GEX.000010			15.000	15.000
272	GEX.004739			11.280	GEX.052515			11.280	11.280
273	GEX.004874			11.000	GEX.052503			11.000	11.000
274	GEX.004937			10.700	GEX.052508			10.700	10.700
275	GEX.005164			10.000	GEX.000010			10.000	10.000
276	GEX.005177			10.000	GEX.052504			10.000	10.000
277	GEX.005202			10.000	GEX.052535			10.000	10.000
278	GEX.005323			10.000	GEX.052517			10.000	10.000
279	GEX.005517			10.000	GEX.052489			10.000	10.000
280	GEX.006208			9.000	GEX.000010			9.000	9.000
281	GEX.006226			8.950	GEX.052498			8.950	8.950

STT	Mã cổ đông	Họ và tên cổ đông	Số Giấy tờ pháp lý	Số cổ phần sở hữu	Mã đại biểu của người nhận ủy quyền	Họ và tên người nhận ủy quyền	Số giấy tờ pháp lý	Số cổ phần được ủy quyền tham dự và biểu quyết	Số phiếu biểu quyết tương ứng
282	GEX.006297			8.720	GEX.000010			8.720	8.720
283	GEX.007485			7.000	GEX.052528			7.000	7.000
284	GEX.007723			6.600	GEX.052510			6.600	6.600
285	GEX.008267			6.000	GEX.000010			6.000	6.000
286	GEX.008531			5.800	GEX.052506			5.800	5.800
287	GEX.008819			5.486	GEX.000010			5.486	5.486
288	GEX.008959			5.200	GEX.052487			5.200	5.200
289	GEX.009113			5.000	GEX.052468			5.000	5.000
290	GEX.009167			5.000	GEX.052478			5.000	5.000
291	GEX.009236			5.000	GEX.052507			5.000	5.000
292	GEX.009792			5.000	GEX.052482			5.000	5.000
293	GEX.010296			4.700	GEX.052490			4.700	4.700
294	GEX.010307			4.700	GEX.000010			4.700	4.700
295	GEX.011430			4.000	GEX.052476			4.000	4.000
296	GEX.012799			3.400	GEX.052484			3.400	3.400
297	GEX.013011			3.200	GEX.000010			3.200	3.200
298	GEX.015262			2.600	GEX.000010			2.600	2.600
299	GEX.016030			2.400	GEX.052534			2.400	2.400
300	GEX.016333			2.290	GEX.052514			2.290	2.290
301	GEX.016397			2.200	GEX.052519			2.200	2.200
302	GEX.017356			2.000	GEX.000010			2.000	2.000
303	GEX.018012			2.000	GEX.000010			2.000	2.000
304	GEX.018178			2.000	GEX.000010			2.000	2.000
305	GEX.018278			2.000	GEX.052533			2.000	2.000
306	GEX.019446			1.900	GEX.000010			1.900	1.900
307	GEX.020103			1.700	GEX.026669			1.700	1.700
308	GEX.022142			1.400	GEX.052500			1.400	1.400
309	GEX.022400			1.300	GEX.000010			1.300	1.300
310	GEX.022880			1.208	GEX.052523			1.208	1.208
311	GEX.023973			1.100	GEX.052520			1.100	1.100
312	GEX.026387			1.000	GEX.052499			1.000	1.000
313	GEX.027252			1.000	GEX.052521			1.000	1.000
314	GEX.029844			721	GEX.000010			721	721
315	GEX.030305			700	GEX.052502			700	700

STT	Mã cổ đông	Họ và tên cổ đông	Số Giấy tờ pháp lý	Số cổ phần sở hữu	Mã đại biểu của người nhận ủy quyền	Họ và tên người nhận ủy quyền	Số giấy tờ pháp lý	Số cổ phần được ủy quyền tham dự và biểu quyết	Số phiếu biểu quyết tương ứng
316	GEX.033735			500	GEX.052479			500	500
317	GEX.033894			500	GEX.052512			500	500
318	GEX.034420			500	GEX.000010			500	500
319	GEX.034483			500	GEX.000010			500	500
320	GEX.034645			500	GEX.052472			500	500
321	GEX.037352			400	GEX.000010			400	400
322	GEX.037753			300	GEX.000010			300	300
323	GEX.039381			300	GEX.052473			300	300
324	GEX.039757			300	GEX.052540			300	300
325	GEX.040530			200	GEX.052532			200	200
326	GEX.042071			200	GEX.052488			200	200
327	GEX.043807			172	GEX.052518			172	172
328	GEX.044335			100	GEX.052505			100	100
329	GEX.046733			100	GEX.052483			100	100
330	GEX.047512			100	GEX.052481			100	100
331	GEX.048110			90	GEX.052552			90	90
332	GEX.048354			82	GEX.052470			82	82
333	GEX.048356			82	GEX.052539			82	82
334	GEX.048754			70	GEX.052494			70	70
335	GEX.049809			41	GEX.052469			41	41
336	GEX.051103			10	GEX.052511			10	10
337	GEX.051164			10	GEX.052516			10	10
338	GEX.051794			7	GEX.052547			7	7
339	GEX.051795			6	GEX.052542			6	6
340	GEX.051814			6	GEX.052524			6	6
341	GEX.052131			4	GEX.052543			4	4
342	GEX.052379			1	GEX.052550			1	1
343	GEX.052458			1	GEX.052538			1	1
344	GEX.052466			1	GEX.052546			1	1
Tổng cộng								497.272.961	497.272.961



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX
(sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số **Q.2/2023/GELEX/NQ-DHĐCĐ**, ngày 26 tháng 04 năm 2023)

Hà Nội, tháng 04 năm 2023



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Cổ phiếu.....	9
Điều 8. Chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	31
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	32

Điều 31. Thường trực Hội đồng quản trị	36
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	37
Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty.....	38
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	39
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý	39
Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp	39
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	39
CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	40
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	40
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	40
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	42
CHƯƠNG X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	42
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	42
CHƯƠNG XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	43
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn.....	43
CHƯƠNG XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	44
Điều 42. Phân phối lợi nhuận.....	44
CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	44
Điều 43. Tài khoản ngân hàng.....	44
Điều 44. Năm tài chính	45
Điều 45. Chế độ kế toán.....	45
CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	45
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	45
Điều 47. Báo cáo thường niên.....	45
CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	45
Điều 48. Kiểm toán.....	45
CHƯƠNG XVI. CON DẤU	46
Điều 49. Con dấu.....	46
CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	46
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	46
Điều 51. Thanh lý	46
CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	47
CHƯƠNG XIX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON.....	48
Điều 53. Mối quan hệ giữa Công ty và công ty con.....	48
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	49
Điều 54. Điều lệ Công ty	49
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	49
Điều 55. Ngày hiệu lực	49

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - (a) “**Vốn điều lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - (b) “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - (c) “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - (d) “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - (e) “**Người điều hành doanh nghiệp**” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng;
 - (f) “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - (g) “**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**” là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - (h) “**Thời hạn hoạt động**” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - (i) “**Công ty**” hoặc “**Tập Đoàn GELEX**” là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX ;
 - (j) “**Công ty con**” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:
 - (i) Tập Đoàn GELEX sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; hoặc
 - (ii) Tập Đoàn GELEX có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó; hoặc
 - (iii) Tập Đoàn GELEX có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
 - (k) “**Công ty liên kết**” là công ty trong đó (i) Tập Đoàn GELEX nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% quyền biểu quyết trở lên nhưng không phải là công ty con của Tập Đoàn GELEX hoặc (ii) các trường hợp khác theo quy định pháp luật liên quan.
 - (l) “**Việt Nam**” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - (m) “**Người quản lý doanh nghiệp**” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế của văn bản hay quy định đó.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho

việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX**
Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **GELEX Group Joint Stock Company**
Tên Công ty viết tắt: **TẬP ĐOÀN GELEX**
2. Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024.39726245 - 024.39726246
Fax: 024.39 726 282
E-mail: gelex@gelex.vn
Website: www.gelex.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh khác để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư

- trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh và hoạt động của Công ty
 - (a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và/hoặc trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực là:
 - (i) Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
 - (ii) Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220 kV;
 - (iii) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (*Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng*);
 - (iv) Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - (v) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (*Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật*);
 - (vi) Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (*Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư*

nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật);

- (vii) Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu; Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu (*Trừ kim loại quý*);
 - (viii) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt... (*Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật*);
 - (ix) Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (*Trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến*);
 - (x) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - (xi) Hoạt động tư vấn quản lý (*Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán và các ngành nghề kinh doanh có điều kiện*);
 - (xii) Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn hỗ trợ đầu tư.
- (b) Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết, các tổ chức khác có vốn đầu tư của Tập đoàn GELEX.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty hoạt động nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **8.514.957.930.000 VND** (bằng chữ: tám nghìn năm trăm mười bốn tỉ chín trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **851.495.793** cổ phần (tám trăm năm mươi một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi ba cổ phần) với mệnh giá là 10.000 (Mười nghìn) VND/cổ phần.

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Vào ngày thông qua Điều lệ này, các cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty không có cổ đông sáng lập.
6. Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành tăng vốn điều lệ phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết hoặc đăng ký nhưng không thanh toán tiền mua sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể chào bán, phát hành các loại cổ phần khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
9. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - (a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - (b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - (c) Cổ phần chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty (ESOP);
 - (d) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ

đồng ủy quyền);

- (e) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt từng lần.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp, cụ thể bao gồm các nội dung như sau:
 - (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - (b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - (c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - (d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - (e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
 - (f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - (g) Nội dung khác theo quy định của pháp luật đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có).
3. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - (a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - (b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Cổ đông thanh toán các chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng khoán khác

Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác để huy động vốn trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt chào bán/phát hành và pháp luật có quy định khác.
2. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường khi pháp luật cho phép hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/dăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

Không áp dụng

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị (có Ủy Ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị).
3. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - (a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;
 - (b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - (d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật có liên quan;
 - (e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến chính cổ đông đó trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - (f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - (g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - (h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - (i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - (j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

- (k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - (l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- (a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - (c) Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị tương đương khác, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - (d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 4 Điều 18 Điều lệ này;
 - (e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông

qua các hình thức sau:

- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
5. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
 6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
 7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - (a) Vi phạm pháp luật;
 - (b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - (c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Công ty quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - (b) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số

thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

- (c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
- (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- (a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày;
- (b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- (c) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - (a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - (b) Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- (c) Thông qua Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - (d) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - (e) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - (f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - (g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - (h) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - (i) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - (j) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - (k) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - (l) Quyết định tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;
 - (m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - (n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - (o) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận hoặc quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - (p) Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp và điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (bao gồm cả những hợp đồng, giao dịch cấp khoản vay hoặc bảo lãnh được phép thực hiện theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) với giá trị giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giá trị giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng, giao dịch vay, cho vay (trong phạm vi hợp đồng, giao dịch cho vay đó được phép thực hiện theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP), bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
 - (q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- (a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - (b) Báo cáo tài chính năm;

- (c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - (d) Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - (e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - (f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- (a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - (b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;
 - (c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền có thể được lập theo mẫu của Công ty hoặc mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung, phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký của bên ủy quyền, bên được ủy quyền và đóng dấu nếu là tổ chức (nếu có con dấu).
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm bản gốc hoặc bản sao hợp pháp của văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- (b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- (c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

- 5. Công ty được miễn trừ mọi nghĩa vụ pháp lý liên quan đến việc gian dối, giả mạo giấy ủy quyền (nếu có). Các quyết định của ĐHĐCĐ đã được thông qua vẫn giữ nguyên hiệu lực trong trường hợp có sự gian dối, giả mạo giấy ủy quyền.

Điều 17. Thay đổi các quyền

- 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

- 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.
- 3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- (a) Chuẩn bị Danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - (c) Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
 - (d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
 - (e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - (f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - (g) Lập thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - (h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- (a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - (c) Phiếu biểu quyết;
 - (d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp (nếu có);
 - (e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân,

Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chữ ký của cổ đông đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính, chữ ký người đại diện theo pháp luật và phải được đóng dấu đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này chỉ trong các trường hợp sau (chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do):
 - (a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - (b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - (c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
7. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, những cá nhân, tổ chức không phải là cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông hoặc khách mời hoặc người trong ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thì chỉ được tham dự Đại hội khi có sự đồng ý của người triệu tập cuộc họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được

gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết tờ thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ tiếp theo, số thẻ không có ý kiến được thu/giơ thẻ sau cùng. Cuối cùng đếm tổng số phiếu hợp lệ hay không hợp lệ, số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Trưởng Ban Kiểm Phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.
Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
8. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
9. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa

điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- (b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- (c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

10. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.
12. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - (a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - (c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

13. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
 - (a) Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó ("**Địa điểm chính của Đại hội**");
 - (b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.

15. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại

hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

16. Công ty được áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Các nội dung liên quan được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Trường hợp này, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện

từ của Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trừ trường hợp xin chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại, giải thể Công ty hoặc Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức dưới hình thức họp, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về mọi vấn đề còn lại thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông tại bất kỳ thời điểm nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để cổ đông xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận lại phiếu lấy ý kiến của Công ty. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Mục đích lấy ý kiến;
 - (c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc số giấy tờ pháp lý khác của cá nhân đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - (f) Thời hạn phải gửi về Công ty hoặc ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó (nếu tổ chức có con dấu).
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - (a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- (b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
6. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
7. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của người phụ trách quản trị Công ty hoặc Chủ tịch Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không phải là người nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
8. Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - (d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - (f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - (g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - (h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (b) Trình độ chuyên môn;
 - (c) Quá trình công tác;
 - (d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - (e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - (f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
- (a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- (b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - (c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - (d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - (e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên hoặc được quyền đề cử tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu.
3. Trường hợp tổng số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ năm (05) đến chín (09) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại từng thời kỳ do Hội đồng quản trị đề xuất và Hội đồng quản trị được tổ chức triển khai các thủ tục đề cử, ứng cử theo số lượng đề xuất. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm (cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành, đồng thời phải đảm bảo có tối thiểu số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành từng thời kỳ.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức thì đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị

phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong thời gian chưa được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, thành viên này vẫn phải tuân thủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:
 - (a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty;
 - (c) Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 1.1.g Điều lệ này;
 - (d) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
 - (e) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - (c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Giám đốc hoặc Trưởng chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty và quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - (d) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - (e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp;
 - (f) Quyết định sơ đồ tổ chức của Công ty, việc thành lập/giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua/bán cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác; ban hành các văn bản cần thiết để quản lý phần vốn đầu

tư, quản lý người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty con và các doanh nghiệp khác;

- (g) Quyết định cử/thôi/chấm dứt tư cách người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;
- (h) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- (i) Xây dựng và trình quy chế nội bộ về quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;
- (j) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- (k) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- (l) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán theo từng loại;
- (m) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- (n) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
- (o) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; quyết định phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền;
- (p) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của Công ty;
- (q) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- (r) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;
- (s) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- (t) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (u) Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, phần vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, phần vốn góp của Công ty theo quy định của pháp luật;
- (v) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất về các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.
- (w) Các nội dung/vấn đề khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp

thuận của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), kể cả là những vấn đề đã phân quyền cho Tổng Giám đốc quyết định theo quy định tại Điều lệ này. Nội dung này được thể hiện cụ thể trong các quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành theo nhu cầu quản trị từng thời kỳ.

(x) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

(a) Thành lập/chấm dứt hoạt động các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

(b) Thành lập/giải thể các công ty con của Công ty;

(c) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.

(d) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

(e) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

(f) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

(g) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị được ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện một phần nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều này.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. Quyền hạn và nghĩa vụ của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

Ngoài các quyền hạn và nghĩa vụ nói chung của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm thành viên Ủy ban kiểm toán có các trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất

hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao và thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - (c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - (d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (e) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không thực hiện chỉ định Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như vậy thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm các điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo nhiệm vụ hoặc ủy quyền thường xuyên, phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết

định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- (a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - (b) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - (c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - (d) Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp
- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo mời họp
- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp được gửi bằng một trong các phương thức sau: thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Điều kiện tiến hành họp
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Họp theo hình thức hội nghị trực tuyến
- Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực

tuyển giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- (a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- (b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp. Biên bản cuộc họp này được lập theo các nội dung được quy định tại Khoản 15 Điều này.

10. Hình thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- (a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- (b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- (c) Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa

là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- (d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Công khai lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Nguyên tắc biểu quyết đa số

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự hợp hoặc ủy quyền dự hợp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- (c) Thời gian, địa điểm họp;
- (d) Họ, tên từng thành viên dự hợp hoặc người được ủy quyền dự hợp và cách thức dự hợp; họ, tên các thành viên không dự hợp và lý do;
- (e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- (f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự hợp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- (g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành

và không có ý kiến;

- (h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- (i) Họ, tên, chữ ký của những người sau:
 - (i) Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
 - (ii) Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; hoặc
 - (iii) Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 15 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 31. Thường trực Hội đồng quản trị

1. Thường trực Hội đồng quản trị là cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị, bao gồm một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị cử ra nếu xét thấy cần thiết để thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết, quyết định một số vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp và/hoặc xử lý các công việc, giao dịch theo phân quyền chi tiết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Hội đồng quản trị chỉ định một trong số các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị làm Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị.
 2. Thường trực Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, chịu trách nhiệm cá nhân. Thường trực Hội đồng quản trị quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của mình theo nguyên tắc:
 - (a) Các quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị thông qua theo các phương thức sau:
 - (i) Các thành viên bàn bạc dân chủ tại cuộc họp trực tiếp; hoặc
 - (ii) Được tổ chức lấy ý kiến từ xa bằng văn bản (gửi thư/văn bản lấy ý kiến qua đường bưu điện hoặc chuyên trực tiếp, hoặc thông qua hệ thống thư điện tử (email) của Công ty); hoặc
 - (iii) Được tổ chức họp qua điện thoại có ghi âm; hoặc
 - (iv) Các hình thức họp khác phù hợp với quy định pháp luật; hoặc
 - (v) Tổng hợp một số phương thức trên.
- Nguyên tắc tổ chức họp trực tiếp, họp qua hội nghị trực tuyến hoặc lấy ý kiến

từ xa bằng văn bản của Thường trực Hội đồng quản trị được áp dụng tương tự như đối với trường hợp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này.

- (b) Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. Thường trực Hội đồng quản trị quyết định theo đa số, trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì bên có phiếu biểu quyết nhất trí, tán thành của Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị/ thành viên được Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị ủy nhiệm chủ tọa phiên họp là quyết định được thông qua.
 - (c) Quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến từ xa bằng văn bản/email/hội nghị trực tuyến có giá trị hiệu lực như đối với quyết định được thông qua trực tiếp tại cuộc họp Thường trực Hội đồng quản trị, với điều kiện các cuộc họp hoặc lấy ý kiến đó được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật liên quan.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng quản trị:
- (a) Thường trực Hội đồng quản trị được thay mặt Hội đồng quản trị thường xuyên nắm tình hình hoạt động của Công ty, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền được giao/phân cấp/ủy quyền trong hoạt động quản trị điều hành của Công ty giữa hai kỳ họp của Hội đồng quản trị;
 - (b) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thường trực Hội đồng quản trị được quyền ra quyết định và sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị tình hình, kết quả thực hiện các nghị quyết/quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị;
 - (c) Thành viên Thường trực Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác có trách nhiệm thu thập thông tin từ các đơn vị chuyên môn để báo cáo hoặc cùng đơn vị chuyên môn báo cáo tại cuộc họp để Thường trực Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị ra quyết định;
 - (d) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị quy định từng thời kỳ.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban này. Trường hợp không thành lập tiểu ban, Hội đồng quản trị có thể cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị phụ trách vấn đề nhân sự và/hoặc lương thưởng theo nhu cầu quản trị từng thời kỳ.
- 2. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội

đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng nên đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban.

3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - (a) Có hiểu biết về pháp luật;
 - (b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - (c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - (a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - (b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - (c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - (d) Tham dự các cuộc họp;
 - (e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
 - (g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
 - (h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - (i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc (nếu cần thiết), Kế toán trưởng, các phụ trách quản lý ban, phòng chuyên môn (theo nhu cầu quản trị điều hành). Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị (hoặc cấp được Hội đồng quản trị giao/ủy quyền/phân quyền) quyết định.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - (a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - (b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định các giao dịch/hợp đồng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; quyết định các giao dịch/hợp đồng được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao/ủy quyền/phân quyền; tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - (c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án sơ đồ tổ chức, quy chế quản lý

- nội bộ của Công ty;
- (d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
 - (e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - (f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các vị trí nhân sự trong Công ty theo các quy định nội bộ của Công ty, trừ các vị trí thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - (g) Trong Quý IV hàng năm, trình Hội đồng quản trị xem xét kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - (h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - (i) Tuyển dụng lao động, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - (j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành hoặc đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành nếu lấy ý kiến bằng văn bản và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế. Trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sẽ không có quyền biểu quyết theo quy định tại Khoản này.

CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác và những

người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Việc cấp các khoản vay, hoặc bảo lãnh cho cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng vừa nêu trên tuân theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
5. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận
 - (a) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - (i) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;
 - (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 - (b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại điểm a Khoản này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
 - (c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:
 - (i) Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm a Khoản này có giá trị từ 35% trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;
 - (ii) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay (nếu được phép theo quy định về quản trị công ty đại chúng), bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ

đồng sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại mục (i) và (ii) của điểm c nêu trên, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều 21 và Khoản 10 Điều 22 Điều lệ này.

- (d) Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này, gây thiệt hại cho Công ty thì người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền, đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến chính cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo bản gốc giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu quan trọng khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh Nghiệp.

Công ty tạo điều kiện để cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất. Khi có nhu cầu xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan, cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải gửi văn bản đề nghị đến Công ty trong giờ làm việc. Văn bản đề nghị nêu rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, thông tin cần xem xét/trích lục/sao chép, lý do đưa ra đề nghị. Công ty có quyền không cung cấp các thông tin cá nhân (như Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng ...) để bảo đảm bảo mật thông tin cá nhân của người kê khai và người có liên quan của người kê khai.

CHƯƠNG XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Trong trường hợp cần thiết, Tổng Giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Trường hợp cần thiết, Tổng Giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và

chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty và theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán khác được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.
2. Công ty phải lập báo cáo tài chính sáu tháng, và báo cáo tài chính quý theo Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành.
3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, công bố thông tin và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua

danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVI. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu (mẫu dấu) chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - (a) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (b) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - (c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý

- được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - (a) Các chi phí thanh lý;
 - (b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - (c) Nợ thuế;
 - (d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - (e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm (a) đến Điểm (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty, xảy ra giữa:
 - (a) Cổ đông với Công ty;
 - (b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 90 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ủy ban kiểm toán chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

Điều 53. Mối quan hệ giữa Công ty và công ty con

1. Công ty và công ty con có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan, hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông/chủ sở hữu của mình;
2. Công ty sẽ hỗ trợ cho công ty con bằng cách xác định và đưa ra định hướng, chiến lược phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của công ty con. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa Công ty và công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty cử và giao quyền cho (những) người đại diện vốn theo ủy quyền của Công ty quản lý cổ phần/phần vốn góp của Công ty tại công ty con và quản lý việc sử dụng phần vốn của Công ty tại công ty con theo quy định nội bộ của Công ty trong phạm vi Điều lệ của công ty con và pháp luật cho phép.
4. Quyền và nghĩa vụ của (những) người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại công ty con được xác định theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị Công ty (hoặc cấp được phân quyền/ủy quyền) ban hành từng thời kỳ. (Những) Người đại diện theo ủy quyền của Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy chế, quy định vừa nêu này, Điều lệ công ty con và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Công ty sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với công ty con. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Công ty thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại công ty con.
6. Công ty thực hiện quyền hạn của mình tại công ty con thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng quản trị/ Ban Tổng Giám đốc hoặc thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông của công ty con (bằng hình thức cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản).
7. Công ty có quyền quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn của Công ty tại công ty con đồng thời có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) hỗ trợ công ty con trên một, một số hoặc các mặt hoạt động quản trị, quản lý của công ty con với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và/hoặc thúc đẩy tăng trưởng sản xuất, kinh doanh và đầu tư của công ty con.
8. Công ty có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) thực hiện việc cử đoàn kiểm tra, tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn góp của Công ty tại công ty con. Phạm vi kiểm tra bao gồm: kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của Công ty tại công ty con; kiểm tra việc thực hiện, triển khai các ý kiến chỉ đạo của Công ty đối với các vấn đề mà người đại diện vốn đã báo cáo/xin ý kiến; kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, nghĩa vụ khác của người đại diện theo Điều lệ Công ty, Điều lệ công ty con, các quy chế nội bộ của Công ty về quản lý người đại diện vốn; kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh nếu thấy cần thiết hoặc theo phê duyệt/thỏa thuận giữa Công ty với công ty con, trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty thực hiện quyền yêu cầu/đề nghị Ủy ban kiểm toán/ban kiểm soát tại công ty con kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty con với vai

trò là cổ đông có cổ phần chi phối. Hoạt động kiểm tra được tiến hành định kỳ hoặc tiến hành đột xuất, bất thường khi cần thiết. Người đại diện vốn có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Công ty tiến hành, thực hiện các hoạt động kiểm tra theo quy định tại Khoản này.

9. Công ty được thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ cho các mặt hoạt động của Công ty con nhằm hỗ trợ Công ty con kịp thời phát hiện, khắc phục, phòng ngừa các rủi ro có thể phát sinh. Các biện pháp thực thi có thể bao gồm: cử đoàn công tác độc lập hoặc phối kết hợp với Ủy ban kiểm toán/Ban kiểm soát/Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty con để tiến hành các cuộc kiểm toán; tổ chức các buổi đào tạo nhằm cải thiện chất lượng kiểm toán nội bộ tại Công ty con; các biện pháp khác phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế.
10. Công ty và công ty con có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của Công ty và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này hoặc có những quy định tại Điều lệ này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 55 Điều có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX nhất trí thông qua sửa đổi, bổ sung, cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này vào ngày 26 tháng 04 năm 2023.
2. Điều lệ này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật Công ty./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



NGUYỄN VĂN TUẤN

